

NGHIỆM THU CẤP TỈNH DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI: “ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG MÔ HÌNH ƯƠNG NUÔI GIỐNG VÀ NUÔI THƯƠNG PHẨM CÁ CHÌNH HOA ĐẠT NĂNG SUẤT, HIỆU QUẢ KINH TẾ CAO TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH”

Ngày 11/8/2022, Hội đồng Khoa học đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh tổ chức nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi: “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình ương nuôi giống và nuôi thương phẩm cá chình hoa đạt năng suất, hiệu quả kinh tế cao tại tỉnh Quảng Bình”, do Công ty TNHH Dịch vụ Kim Long Việt Nam chủ trì thực hiện.

Mục tiêu của dự án là ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng thành công mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chình hoa năng suất và hiệu quả kinh tế cao, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân, đặc biệt là các hộ bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển tại Quảng Bình.

Sau hai năm thực hiện, dự án đã thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nội dung đặt ra. Cụ thể: Dự án đã chuyển giao được 3 quy trình công nghệ phù hợp với điều kiện vùng dự án và những vùng có điều kiện tương tự; Đào tạo được 4 cán bộ kỹ thuật viên cơ sở, mở lớp tập huấn cho 100 lượt người dân tham gia về các quy trình công nghệ mà dự án chuyển giao; Xây dựng thành công các mô hình: Mô hình nuôi ương cá chình giống từ cấp I lên giống cấp II quy mô 100m² (2 bể)/50m², cá khỏe mạnh, kích cỡ tương đối đồng đều, con giống đảm bảo tiêu chuẩn, sinh trưởng phát triển tốt là tiền đề đảm bảo được năng suất và hiệu quả đầu tư; Mô hình nuôi cá chình thương phẩm trong bể trên diện tích 650m²/650m² kết quả đạt được:



Nuôi thương phẩm giai đoạn 1 (từ cỡ cá 50 g/con-200 g/con, cỡ cá thu được là 207,2 g/con; Nuôi thương phẩm giai đoạn 2 (từ cỡ cá 200 g/con-600 g/con) đạt tỷ lệ sống 96,8%, cỡ cá thu được là 602,3 g/con; Nuôi thương phẩm giai đoạn 3 (từ cỡ cá 600 g/con-1.000 g/con) đạt tỷ lệ sống 98,3%, cỡ cá thu được là 1.081,1 g/con; Mô hình nuôi cá chình thương phẩm trong ao trên diện tích 1,7ha, đạt tỷ lệ sống trên 82,22%, khối lượng cá thu được 28.200kg.

Cá chình là đối tượng nuôi mang lại hiệu quả kinh tế cao, có nhiều triển vọng phát triển, phù hợp với chủ trương đa dạng hóa đối tượng vật nuôi. Mô hình nuôi làm nền tảng kỹ thuật căn bản góp phần cải thiện tích cực vào việc chuyển dịch sản xuất, tạo việc làm và nâng cao đời sống cho các hộ dân.

Tại buổi nghiệm thu, các thành viên Hội đồng Khoa học, các đơn vị liên quan đã tham gia đóng góp nhiều ý kiến để giúp dự án hoàn thiện hơn, tiến tới nghiệm thu cấp nhà nước ■

T.N

NGHIỆM THU NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP KH&CN LIÊN KẾT: “TRỒNG THỬ NGHIỆM GIỐNG LẠC ĐEN CNC1 PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU KIỆN SINH THÁI HUYỆN BỐ TRẠCH”

Hội đồng Khoa học nghiệm thu nhiệm vụ sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh vừa tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ: “Trồng thử nghiệm giống lạc đen CNC1 phù hợp với điều kiện sinh thái huyện Bố Trạch” do Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh thực phẩm an toàn Phong Nha chủ trì thực hiện.

Giống lạc đen CNC1 có đặc điểm khác biệt với các giống lạc thường đang trồng phổ biến ở nước ta hiện nay là vỏ hạt màu tím sẫm nên gọi lạc đen (giống lạc thường trồng phổ biến hiện nay có vỏ hạt màu hồng). Hầu hết các chỉ tiêu chất lượng trong lạc đen đều cao hơn gấp bội so với lạc thường như: Selen 240ug/1kg (cao gấp 101,1 lần); Chất xơ 10,81% (gấp 6,75 lần); Kẽm 3,7mg/100g (gấp 1,95 lần); Arginine 3630mg/100g (gấp 1,32 lần); Kali 700mg/100g là (gấp 1,23 lần); Protein thô 36,68% (gấp 1,16 lần); Chất béo 260% (giảm 1,4 lần), chỉ tiêu này giảm có lợi cho người ăn lạc đen thường xuyên.

Nhiệm vụ được triển khai từ tháng 11/2021 với đối tượng nghiên cứu là giống lạc đen CNC1, trên diện tích 5.000m² tại xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, kết



quả đã hoàn thành các nội dung đề ra: Xây dựng mô hình trồng lạc CNC1 phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty TNHH Phong Nha từ đó đánh giá được hiệu quả mô hình; Sản xuất thử nghiệm đầu từ hạt lạc CNC1 được trồng từ mô hình nhằm đánh giá hiệu quả với đầu được làm từ một số loại lạc khác đang sản xuất ở địa phương. Cụ thể: Năng suất của lạc đen CNC1 cao hơn 10% so với lạc phổ biến L14; Dầu lạc CNC1 có tỷ lệ tương đương với giống lạc phổ biến, một số chỉ tiêu chất lượng thì lạc CNC1 cao hơn giống lạc L14. Hiệu quả kinh tế của 5.000m² lạc đen CNC1 đạt hơn 30 triệu đồng ■

T.N

NGHIỆM THU NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP KH&CN LIÊN KẾT: “XÂY DỰNG MÔ HÌNH CHĂN NUÔI CHỒN HƯƠNG GIỐNG VÀ CHỒN HƯƠNG THƯƠNG PHẨM”

Nhiệm vụ sự nghiệp KH&CN liên kết: “Xây dựng mô hình chăn nuôi chồn hương giống và chồn hương thương phẩm”, do Hợp tác xã nông nghiệp nuôi ong lấy mật Quyết Thắng chủ trì thực hiện đã được Hội đồng Khoa học tổ chức nghiệm thu.

Chồn hương là loài thú quý hiếm thuộc nhóm IIB, đây là loài động vật có giá trị kinh tế và nhu cầu sử dụng tương đối nhiều. Việc

săn bắt và sử dụng chồn hương với nhiều mục đích khác nhau đã làm cạn kiệt loài này trong tự nhiên.

Mục tiêu của nhiệm vụ là nhằm đánh giá khả năng thích nghi, sinh sản của chồn hương giống và khả năng sinh trưởng, phát triển của chồn hương thương phẩm; Hoàn thiện quy trình nuôi chồn hương sinh sản và thương phẩm phù hợp trên địa bàn huyện Tuyên Hóa.

Sau thời gian triển khai từ tháng 9/2020 đến nay, nhiệm vụ đã hoàn thành các nội dung đề ra, cụ thể: Chuồng trại nuôi được xây dựng tại hộ gia đình ông Nguyễn Quyết Thắng, xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa; Đã tiến hành mua 13 con chồn hương, trong đó 10 con giống cái 9 tháng tuổi, trọng lượng 3kg/con và 3 con chồn hương đực 15 tháng, trọng lượng 4kg/con. Sau thời gian nuôi, 10 con chồn giống ban đầu có 7 con sinh sản được 2 lứa, còn lại 3 con sinh sản 1 lứa, tổng số lượng con non là 60 con, trọng lượng trung bình là 0,15kg/con.



Đến nay 10 con chồn hương giống và 60 con chồn hương con sinh trưởng và phát triển bình thường, không có dấu hiệu của bệnh tật ■

T.N

NGHIỆM THU NHIỆM VỤ SỰ NGHIỆP KH&CN LIÊN KẾT: “TRỒNG THỬ NGHIỆM GIỐNG LÚA NẾP CẨM TẠI THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI”

Vừa qua, tại Sở Khoa học và Công nghệ, nhiệm vụ sự nghiệp KH&CN liên kết: “Trồng thử nghiệm giống lúa nếp cẩm tại thành phố Đồng Hới” do Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Ninh Đông chủ trì thực hiện đã được tổ chức nghiệm thu cấp tỉnh.

Nếp cẩm có chứa hàm lượng chất khoáng ấn tượng: đồng 24ppm, kẽm 23,6ppm, sắt 16,2ppm... yếu tố quan trọng nhất và tạo nên thương hiệu cho nếp cẩm bởi giá trị dinh dưỡng của nó. Trong gạo nếp cẩm chứa nhiều axit amin mà đặc biệt trong vỏ nếp cẩm được các nhà khoa học Mỹ chứng minh có chứa lượng lớn anthocyanin có khả năng chống oxy hoá, chống viêm nhiễm hạn chế sự phát triển của tế bào ung thư. Ngoài ra, ăn gạo nếp cẩm kết hợp với một số thức ăn như rau xanh, hoa quả, thịt nạc sẽ có thể tăng sự hấp thu sắt cho cơ thể.

Nhiệm vụ được thực hiện từ tháng 11/2021 đến nay với đối tượng nghiên cứu là giống lúa nếp cẩm ĐH6, trên diện tích 5ha tại đồng ruộng thuộc Hợp tác xã DVNN Đức Ninh Đông, kết quả nhiệm vụ đã đánh giá được tình hình sinh trưởng, phát triển và hoàn thiện quy trình sản xuất lúa nếp cẩm ĐH6 tại thành phố Đồng Hới; Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình sản xuất thử nghiệm lúa nếp cẩm ĐH6

đem lại. Cụ thể: Giống lúa nếp cẩm ĐH6 có thời gian sinh trưởng trong vụ Đông Xuân là 126 ngày, thuộc nhóm giống lúa có thời gian sinh trưởng trung ngày, phù hợp để bố trí sản xuất trên địa bàn thành phố Đồng Hới; Lúa nếp cẩm ĐH6 có khả năng sinh trưởng phát triển tốt, ít sâu bệnh, các điều kiện chăm sóc tương tự như các giống lúa thuần khác được trồng phổ biến tại địa phương. Năng suất vụ Đông Xuân 2021-2022 đạt trung bình 4,1 tấn/ha; Gạo nếp cẩm rất được thị trường ưa chuộng, do đó giá thóc bán ra cao hơn các giống lúa khác cùng thời điểm, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho nông dân. Hiệu quả kinh tế của 5ha trồng lúa nếp cẩm ĐH6 đạt hơn 100 triệu đồng.

Kết quả của nhiệm vụ sẽ cung cấp thêm một giống lúa mới năng suất, chất lượng tốt, giá trị cao, thời gian sinh trưởng phù hợp trong hệ thống cơ cấu giống ở thành phố Đồng Hới nói riêng và tỉnh Quảng Bình nói chung. Qua đó, góp phần đa dạng hóa giống, nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, giảm nghèo cho nông dân nông thôn; Đảm bảo nhu cầu về nguồn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và các tỉnh lân cận ■

T.N

CÔNG BỐ THÊM 107 TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

Trong 6 tháng đầu năm 2022, với nhiệm vụ là cơ quan đầu mối hướng dẫn, tổng hợp, lập và trình phê duyệt kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn quốc gia (gọi tắt là TCVN), Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đã tham mưu, góp ý, thẩm định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các bộ quản lý chuyên ngành. Đến nay, Tổng cục đã trình Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thêm 107 tiêu chuẩn quốc gia.

Việc công bố và ban hành các tiêu chuẩn quốc gia giúp việc kiểm tra chất lượng hàng hóa trong nước minh bạch, cũng như đảm bảo chất lượng hàng hóa khi đến tay người tiêu dùng, đồng thời góp phần hỗ trợ doanh nghiệp trong việc khẳng định chất lượng sản phẩm xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu quốc tế đặt ra khi hội nhập.

Một số tiêu chuẩn được công bố trong năm 2022 như tiêu chuẩn quốc gia về lập bản đồ địa chất khoáng sản; tiêu chuẩn quốc gia về phòng cháy chữa cháy; tiêu chuẩn quốc gia về bộ phận, thiết bị và hệ thống khai thác dầu khí dưới biển; tiêu chuẩn quốc gia về công nghệ thông tin - các kỹ thuật an toàn; tiêu chuẩn quốc gia về tinh quặng diatomit - xác định hàm lượng các loại chất...

Ông Nguyễn Hoàng Linh, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học và Công nghệ) cho biết trong 6 tháng đầu năm, Tổng cục đã chủ động



Tiêu chuẩn quốc gia về phòng cháy chữa cháy

Ảnh minh họa

nghiên cứu và triển khai các biện pháp quản lý thông qua việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa bảo đảm đồng bộ đáp ứng các yêu cầu của xã hội.

Tổng cục cũng hướng dẫn các bộ quản lý chuyên ngành triển khai các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng nhằm hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập quốc tế.

Đầu năm 2022, trong điều kiện diễn biến dịch Covid-19 vẫn phức tạp, khó lường, Tổng cục tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ phục vụ hiệu quả công tác phòng, chống dịch Covid-19, duy trì việc cung cấp miễn phí 18 tiêu chuẩn quốc gia liên quan đến lĩnh vực trang thiết bị y tế (máy thở, máy hô hấp, khẩu trang y tế, khẩu trang kháng khuẩn...) để phục vụ doanh nghiệp và cộng đồng trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 ■

Theo Vietq.vn

QUẢN LÝ SẢN PHẨM HÀNG HÓA CẦN DỰA TRÊN KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Hàng giả tinh vi như hàng thật

Thời gian qua, hàng giả, hàng nhái, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã và đang trở thành vấn nạn gây nhức nhối trong xã hội và cộng đồng người tiêu dùng. Điều này không chỉ

tác động tiêu cực đến đời sống, sức khỏe người dân mà còn ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của nhiều nhà sản xuất - doanh nghiệp chân chính, làm xấu môi trường đầu tư và kéo lùi sự phát triển kinh tế đất nước. Đáng lo ngại là tình trạng

trên diễn biến với thủ đoạn ngày càng tinh vi, gây cản trở cho lực lượng chức năng.

Trao đổi với phóng viên Chất lượng Việt Nam (VietQ.vn), bà Nguyễn Minh Ngọc - Tổng cục Quản lý thị trường (Bộ Công Thương) cho biết, các đối tượng làm giả, nhái sản phẩm nắm bắt thông tin rất nhanh. Các thương hiệu chỉ cần ra mẫu mã, sản phẩm mới là chỉ trong thời gian rất ngắn đã xuất hiện nhiều loại nhái theo.

Có những sản phẩm nếu nhìn bằng mắt thường sẽ rất khó nhận biết đâu là hàng thật, đâu là hàng giả mà phải thông qua các biện pháp nghiệp vụ hoặc cần có thời gian kiểm định.

Ví dụ như đối với sản phẩm rượu Chivas, để xem xét thật giả, có thể nhìn về nhãn mác, thường thì sản phẩm giả sẽ không có nhãn phụ tiếng Việt hoặc nhãn dán trên sản phẩm không được sắc nét như hàng thật, cách đóng hộp cũng không được “thật mắt”. Tuy nhiên, càng ngày các đối tượng càng tinh vi, sản phẩm làm giả nhìn như thật, màu rượu nếu như hàng thật có màu cánh gián thì hàng nhái cũng có màu tương tự, thậm chí màu đẹp hơn. Nếu như khó xác định bằng mắt thường, lực lượng chức năng cần phải đi đến bước kiểm định chất lượng sản phẩm, từ đó mới có kết luận chính xác.

Không riêng sản phẩm rượu mà hầu như các sản phẩm đều có khả năng bị làm giả, nhái hoặc xâm phạm sở hữu trí tuệ. Tính chung năm 2021, lực lượng quản lý thị trường cả nước đã phát hiện và xử lý 41.375 vụ vi phạm; ước thu nộp ngân sách gần 430 tỷ đồng. Số lượng xử lý vi phạm càng nhiều càng chứng minh hàng giả, hàng nhái thực sự là “món hời” đem lại nhiều lợi nhuận mới có thể khiến các đối tượng làm giả, nhái liều mình đến vậy.

Quản lý chất lượng dựa trên kiểm soát chất lượng

Để dẹp loạn vấn nạn này, giới chuyên gia cho rằng, một trong những yêu cầu đặt ra là cần

phải quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa, minh bạch từ những bước đầu để hàng giả, hàng nhái không có cơ hội “chen chân”.

Theo ông Hoàng Trọng Thanh, giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân, Phó Chủ tịch thường trực kiêm Tổng thư ký Hiệp hội đầu tư xây dựng dịch vụ Nông lâm nghiệp Việt Nam, quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa là vấn đề cần được quan tâm đúng mực, cần nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Muốn quản lý chất lượng cần dựa trên kiểm soát chất lượng, trong đó kiểm soát chất lượng phải bắt đầu từ khâu đầu tiên cho đến khâu cuối cùng khi đến tay người tiêu dùng.

Cũng theo ông Hoàng Trọng Thanh, thực tế hiện nay, Việt Nam là thị trường tiêu dùng nhiều hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng không chỉ trong nước sản xuất mà còn từ nước ngoài thâm nhập vào.

“Trên thế giới đồng USD cũng từng bị làm giả chứ không nói đến sản phẩm hàng hóa, bởi vậy chúng ta cần chống hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng hai chiều. Trước tiên, chống hàng giả trong nước để bảo vệ thương hiệu doanh nghiệp Việt. Còn đối với hàng hóa nước ngoài vào, chúng ta phải bảo vệ người tiêu dùng trong nước, tránh xa những tổ chức, công ty, doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm giả ở nước ngoài. Nhiều sản phẩm giả, nhái của nước ngoài “tuồn” vào nước ta nhưng chưa được kiểm soát chặt chẽ hoặc xử phạt thích đáng”, ông Thanh nhấn mạnh.

Bên cạnh đó, nhiều ý kiến cũng nhận định, cần phải có hình thức xử phạt nghiêm minh hơn với các đối tượng vi phạm, gây ảnh hưởng tới sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng. Việc xử phạt sẽ chỉ là “muối bỏ bể” khi lợi nhuận cao gấp hàng trăm lần tiền xử phạt, mức phạt chưa đủ răn đe sẽ khiến các đối tượng vi phạm vẫn ngửa chạy theo đường cũ hoặc chuyển sang các thủ đoạn ngày càng xảo trá hơn ■

Theo Vietq.vn

XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN MỚI VỀ NHÀ Ở RIÊNG LẺ: VÌ TƯƠNG LAI AN TOÀN HƠN

Dự thảo Tiêu chuẩn nhà ở riêng lẻ - Yêu cầu chung về thiết kế do Viện Kiến trúc Quốc gia biên soạn đã trình Bộ Xây dựng và đang được lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân trên toàn quốc.

Một trong những điểm được quan tâm trong dự thảo tiêu chuẩn thiết kế nhà ở riêng lẻ đó là quy định mới liên quan tới an toàn chịu lực và an toàn cháy. Theo đó, dự thảo tiêu chuẩn quy định nhà ở riêng lẻ sử dụng với mục đích để ở phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn chịu lực và tuổi thọ thiết kế của công trình.

Không xây dựng trên các vùng có nguy cơ địa chất nguy hiểm (sạt lở, trượt đất...), vùng có lũ quét, thường xuyên ngập lụt khi không có biện pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn cho khu vực xây dựng. Đối với an toàn cháy, dự thảo quy định yêu cầu thoát nạn như: “Nhà ở riêng lẻ sử dụng với mục đích để ở có tối thiểu 1 lối ra thoát nạn tại tầng 1, nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh có tối thiểu 2 lối ra thoát nạn.

Chiều rộng thông thủy của lối ra thoát nạn tối thiểu 0,8m, chiều cao thông thủy tối thiểu 1,9m.

Lối ra tại tầng 1 cần thoát trực tiếp ra ngoài, trường hợp thoát qua gian phòng khác phải duy trì chiều rộng lối đi và có giải pháp ngăn cháy, ngăn tác động nguy hiểm có thể xuất hiện từ các vật dụng, thiết bị dễ cháy, nổ, nguồn lửa, nguồn nhiệt (ô tô, xe máy...).

Cửa đi trên lối thoát nạn tại tầng 1 cần sử dụng cửa bản lề, hạn chế sử dụng cửa cuốn, cửa trượt”.

Trường hợp lắp đặt cửa cuốn, cửa trượt, dự thảo quy định phải sử dụng loại cửa có cơ cấu tự thu, mở nhanh, có bộ lưu điện và bộ tời bằng tay để mở khi mất điện hoặc động cơ bị hỏng. Khuyến khích thiết kế lối ra phụ cho phép thoát người ra ngoài khi cửa cuốn không hoạt động.

Khi nhà ở riêng lẻ có 1 lối ra thoát nạn, cần



bố trí thêm lối ra thứ 2 qua ban công, lô gia, cửa sổ có mặt ngoài thông thoáng, lối lên mái nhà hoặc bằng thang sắt, ống tụt, thang dây ngoài nhà... để thoát nạn khi cần thiết.

Trường hợp thoát qua ban công, lô gia phải đảm bảo thông thoáng, không che chắn tạo thành phòng, không nên lắp đặt lồng, lưới sắt cố định gây cản trở việc thoát nạn và cứu người khi xảy ra sự cố. Trường hợp bố trí lồng sắt, lưới sắt cần có ô cửa kích thước tối thiểu 0,8m x 0,8m.

Trường hợp không thể bố trí đường thoát nạn, lối ra thoát nạn riêng hoặc lối ra phụ ở tầng 1 cần có khu vực lánh nạn tạm thời ở các tầng tại vị trí ban công hoặc lô gia được ngăn cách với gian phòng phía trong bằng một mảng tường đặc có chiều rộng không nhỏ hơn 1,2m, sử dụng các cửa ra vào gian phòng cũng như cửa từ gian phòng ra ban công, lô gia là các cửa bằng vật liệu đặc không cháy hoặc khó cháy, nên sử dụng cửa ngăn cháy loại 2 hoặc loại 3 theo quy định hiện hành, không nên dùng cửa nhựa hoặc cửa nhôm, kính thường, không có khả năng chịu nhiệt.

Nhà có sân thượng thì sân thượng phải bố trí thông thoáng, không được bít kín, đảm bảo yêu cầu thoát người khi có sự cố, cần bố trí lối lên sân thượng từ tầng dưới qua các thang cố

định. Cửa ra sân thượng có chiều rộng tối thiểu 0,8m, chiều cao tối thiểu 1,9m, bố trí khóa cửa phải dễ dàng thao tác mở cửa từ bên trong.

Dự thảo quy định, không được xây bít ô thông tầng để không ảnh hưởng đến thoát khí tự nhiên. Đối với nhà không có các ô thông tầng hoặc đã lắp kính cần thiết kế, lắp đặt các lỗ cửa thoát khí trong nhà thông qua mái nhà hoặc thoát khí trực tiếp ra không gian bên ngoài tại các tầng.

Trong các tầng hầm và tầng nửa hầm, không cho phép bố trí gian phòng có sử dụng hoặc lưu giữ các chất khí và chất lỏng cháy cũng như vật liệu dễ bắt cháy, cần có giải pháp ngăn cháy, ngăn khói lan lên tầng trên qua cầu thang bộ, giêng thang máy, trục kỹ thuật của nhà. Các trường hợp đặc biệt cần được cấp phép theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với thiết bị báo cháy cần lựa chọn, bố trí bình chữa cháy theo TCVN 3890, bảo đảm tối thiểu một bình chữa cháy tại mỗi tầng, ở nơi dễ thấy, dễ lấy và thuận tiện cho việc sử dụng để kịp thời xử lý khi sự cố xảy ra; trong mọi trường hợp phải đảm bảo khoảng cách di chuyển lớn nhất từ điểm xa nhất cần bảo vệ đến bình chữa cháy không quá 20m.

Dự thảo cũng quy định phải trang bị phương tiện hoặc có giải pháp báo cháy tự động cho nhà ở riêng lẻ trong các trường hợp: Nhà ở từ 7 tầng trở lên; tầng hầm/tầng nửa hầm có diện tích từ 200m² được sử dụng làm kho chứa đồ, vật phẩm/hàng hóa phục vụ nhu cầu kinh doanh hoặc sử dụng làm chỗ để xe. Nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh phải tuân thủ các quy định về trang bị hệ thống báo cháy tự động theo quy định tại TCVN 3890. Khuyến khích trang bị các phương tiện cứu nạn, cứu hộ, phương tiện bảo hộ chống khói và dụng cụ phá dỡ thô sơ, lắp đặt các phương tiện báo cháy độc lập (đầu báo khói độc lập) ở các khu vực có công năng khác nhau của nhà.

Nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh hoặc các mục đích dân dụng khác ngoài yêu

cầu nêu trên cần phải đảm bảo các yêu cầu như: khi phần diện tích sử dụng cho các mục đích sản xuất, kinh doanh, mục đích dân dụng khác chiếm tỷ lệ từ 70% trở lên trên diện tích sử dụng của toàn nhà cần bố trí lối vào từ trên cao phục vụ chữa cháy, cứu nạn cứu hộ theo quy định hiện hành.

Các khu vực hoặc phần diện tích của nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh, mục đích dân dụng khác phải tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn cháy tương ứng với từng mục đích sử dụng. Trong nhà ở riêng lẻ kết hợp sản xuất, kinh doanh, phải có biện pháp ngăn cách khu vực sản xuất, kinh doanh với không gian khác của nhà bằng tường và sàn không cháy, với giới hạn chịu lửa không thấp hơn REI 45.

Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy tuân theo quy định tại TCVN 3890.

Khuyến khích lắp đặt các thiết bị chữa cháy tự động quy mô nhỏ, bình chữa cháy tự động kích hoạt cho những khu vực dùng cho mục đích dân dụng khác, đặc biệt là các khu vực, gian phòng làm kho, sản xuất, kinh doanh, bảo đảm phù hợp giữa năng lực chữa cháy với quy mô cần bảo vệ.

Trước đó, đã có tiêu chuẩn TCVN 4451:2012: Nhà ở - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế. TCVN 4451:2012 được chuyển đổi từ TCVN 4451:1987 theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm b) khoản 1 Điều 6 Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

TCVN 4451:2012 do Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn biên soạn, Bộ Xây dựng đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố. Tiêu chuẩn này áp dụng để thiết kế mới hoặc cải tạo các loại nhà ở chung cư (nhà ở căn hộ), nhà ở ký túc xá xây dựng tại các thành phố, thị xã, thị trấn hay khu nhà ở của các cơ quan, xí nghiệp và trường học ■

Theo Vietq.vn

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CƠ SỞ DỮ LIỆU NỀN ĐỊA LÝ QUỐC GIA TỶ LỆ 1:50.000, 1:100.000

Mới đây, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ra Thông tư 07/2022/TT-BTNMT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000, mã số QCVN 71:2022/BTNMT.

Theo đó, Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng đối với các cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, cập nhật, sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000.

Các yêu cầu kỹ thuật cơ bản như sau: Hệ quy chiếu tọa độ, hệ quy chiếu thời gian thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn thông tin địa lý cơ sở mã số QCVN 42:2020/BTNMT; siêu dữ liệu của cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000; định dạng dữ liệu; quy định về định dạng GML; quy định về định dạng GDB; quy định về định dạng SHP; tổ chức các chủ đề dữ liệu địa lý; danh mục đối tượng địa lý cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000 và quy định về đơn vị đo sử dụng để xác định giá trị thuộc tính các đối tượng địa lý.

Bên cạnh đó, Thông tư còn quy định mô hình cấu trúc và nội dung cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000 theo các chủ đề dữ liệu thành phần; quy định về thu nhận dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000; quy định về chất lượng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000; quy định về trình bày cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000, 1:100.000; quy định về quản lý, mục này quy định về phương thức đánh giá sự phù hợp; trách nhiệm



Ảnh minh họa

công bố hợp quy và phương pháp thử.

Sử dụng các phương pháp, công cụ để trích xuất cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia theo các định dạng quy định để phục vụ kiểm tra. Kiểm tra mô hình cấu trúc cơ sở dữ liệu, danh mục đối tượng địa lý, tệp trình bày dữ liệu, chất lượng dữ liệu, siêu dữ liệu, định dạng trao đổi dữ liệu XML, GML theo các chỉ tiêu kỹ thuật như quy định tại Phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này. Nếu kiểm tra các chỉ tiêu kỹ thuật tại Phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này không đáp ứng, kết luận không phù hợp với quy chuẩn.

Ngoài ra, các phụ lục được ban hành kèm theo quy chuẩn gồm: Phụ lục danh mục đối tượng địa lý cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000; 1:100.000; thu nhận dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000; 1:100.000; chất lượng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000; 1:100.000; trình bày cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:50.000; 1:100.000.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2022 ■

Theo Vietq.vn